BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 49 /QĐ-BTP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm 2018 cho các tập thể thuộc Khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/06/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm 2018 cho **293** tập thể thuộc Khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (có tên trong danh sách kèm theo).

Tiền thưởng cho các tập thể được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được ghi vào Sổ Thi đua - Khen thưởng của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp và thủ trưởng các đơn vị có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long

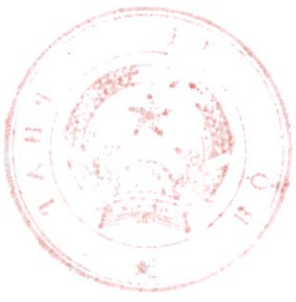

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU
"TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC" NĂM 2018
THUỘC KHỐI CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 49 /QĐ-BTP ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

I. TỈNH THÁI NGUYÊN(03)

1. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;
3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

II. TỈNH CAO BẰNG(06)

4. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
5. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
6. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng;
7. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
8. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng;
9. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

III. TỈNH TUYÊN QUANG(05)

10. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
11. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
12. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
13. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
14. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

IV. TỈNH HÀ GIANG(06)

15. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
16. Phòng Kiểm tra & giải quyết khiếu nại tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
17. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang;
18. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang;

19. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang;
20. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang;

V. TỈNH YÊN BÁI(05)

21. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
22. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
23. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái;
24. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;
25. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

VI. TỈNH SƠN LA(05)

26. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
27. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
28. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
29. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;
30. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

VII. TỈNH HÒA BÌNH(03)

31. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;
32. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình;
33. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình;

VIII. TỈNH LAI CHÂU(05)

34. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
35. Văn phòng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
36. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
37. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
38. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;

IX. TỈNH BẮC GIANG(05)

39. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
40. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
41. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;
42. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
43. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

X. TỈNH ĐIỆN BIÊN(05)

44. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
45. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;

46. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
47. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
48. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên;

XI. TỈNH BẮC KẠN(04)

49. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn;
50. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn;
51. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;
52. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;

XII. TỈNH PHÚ THỌ(02)

53. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ;
54. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

XIII. TỈNH LÀO CAI(03)

55. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;
56. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai;
57. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai;

XIV. TỈNH LẠNG SƠN(05)

58. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
59. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
60. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
61. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
62. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

KHU VỰC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I. TỈNH BẮC NINH (04)

63. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
64. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
65. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
66. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

II. TỈNH HÀ NAM (03)

67. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
68. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;

69. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;

III. THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03)

70. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;
71. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội;
72. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

IV. TỈNH HẢI DƯƠNG (03)

73. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
74. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
75. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;

V. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (06)

76. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
77. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
78. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
79. Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
80. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
81. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;

VI. TỈNH HƯNG YÊN (05)

82. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
83. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên;
84. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;
85. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
86. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

VII. TỈNH NAM ĐỊNH (04)

87. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
88. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;
89. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
90. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

VIII. TỈNH NINH BÌNH (03)

91. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
92. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
93. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;

IX. TỈNH QUẢNG NINH (07)

94. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
95. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
96. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;

97. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;
98. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;
99. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;
100. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh;

X. TỈNH THÁI BÌNH (05)

101. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
102. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
103. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;
104. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
105. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

XI. TỈNH VĨNH PHÚC (05)

106. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh phúc;
107. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh phúc;
108. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;
109. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc;
110. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN

I. TỈNH BÌNH ĐỊNH (05)

111. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
112. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định;
113. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định;
114. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định;
115. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão tỉnh Bình Định.

II. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (05)

116. Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
117. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức Thi hành án Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
118. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
119. Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng;
120. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

III. TỈNH ĐẮK LẮK (07)

121. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;

122. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
123. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
124. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
125. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;
126. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk;
127. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk;

IV. TỈNH GIA LAI (01)

128. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

V. TỈNH HÀ TĨNH (06)

129. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
130. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
131. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh;
132. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh tỉnh Hà Tĩnh;
133. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên tỉnh Hà Tĩnh;
134. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh tĩnh Hà Tĩnh;

VI. TỈNH KON TUM (04)

135. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
136. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
137. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glei tỉnh Kon Tum;
138. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum;

VII. TỈNH NGHỆ AN (10)

139. Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
140. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
141. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
142. Phòng Tài chính - Kế toán Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
143. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức Thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
144. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;
145. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;
146. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;
147. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An;
148. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An;

VIII. TỈNH QUẢNG BÌNH (05)

149. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;

150. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
151. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
152. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình;
153. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình;

IX. TỈNH QUẢNG NAM (10)

154. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
155. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
156. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
157. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam;
158. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An tỉnh Quảng Nam;
159. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn tỉnh Quảng Nam;
160. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam;
161. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước tỉnh Quảng Nam;
162. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My tỉnh Quảng Nam;
163. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam;

X. TỈNH QUẢNG NGÃI (02)

164. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
165. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

XI. TỈNH QUẢNG TRỊ (05)

166. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
167. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng trị;
168. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị;
169. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị;
170. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị.

XII. TỈNH THANH HOÁ (07)

171. Phòng tài chính, kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
172. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
173. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa;
174. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa;
175. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa tỉnh Thanh Hóa;
176. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh tỉnh Thanh Hóa;
177. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn tỉnh Thanh Hóa;

XIII. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (05)

178. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
179. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức Thi hành án dân sự Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
180. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
181. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế tỉnh Thừa Thiên Huế;
182. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên Huế;

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

I. TỈNH BÌNH THUẬN (05)

183. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại và tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận;
184. Chi cục THADS huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;
185. Chi cục THADS huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;
186. Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;
187. Chi cục THADS huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận;

II. TỈNH NINH THUẬN (02)

188. Chi cục THADS huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;
189. Chi cục THADS huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

III. TỈNH PHÚ YÊN (02)

190. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
191. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;

IV. TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU(04)

192. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
193. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
194. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
195. Phòng kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

V. TỈNH KHÁNH HÒA(06)

196. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
197. Phòng Tài chính – Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
198. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
199. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;
200. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa;

201. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

VI. TỈNH BÌNH DƯƠNG(05)

202. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
203. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
204. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
205. Phòng Tài chính - Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
206. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;

VII. TỈNH TÂY NINH(05)

207. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
208. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
209. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;
210. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
211. Phòng Tài chính-Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

VIII. TỈNH ĐỒNG NAI(04)

212. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
213. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
214. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;
215. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

IX. TỈNH BÌNH PHƯỚC(04)

216. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
217. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
218. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;
219. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;

X. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH(12)

220. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
221. Chi cục Thi hành án dân sự quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
222. Chi cục Thi hành án dân sự quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;
223. Chi cục Thi hành án dân sự quận 5, thành phố Hồ Chí Minh;
224. Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, thành phố Hồ Chí Minh;
225. Chi cục Thi hành án dân sự quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
226. Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
227. Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh;
228. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh;
229. Văn Phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
230. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
231. Phòng Kế hoạch Tài chính, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ

Chí Minh;

XI. TỈNH LÂM ĐỒNG(04)

232. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
233. Phòng Giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
234. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
235. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I. TỈNH ĐỒNG THÁP(06)

236. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
237. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
238. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
239. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
240. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
241. Phòng Tài chính - Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;

II. TỈNH LONG AN(07)

242. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;
243. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
244. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;
245. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An;
246. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An;
247. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
248. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

III. TỈNH KIÊN GIANG(08)

249. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
250. Phòng Tài chính- Kế toán Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
251. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
252. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
253. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
254. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang;
255. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang;
256. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

VI. TỈNH VĨNH LONG(04)

257. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Vĩnh Long;

258. Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;

259. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;

260. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long;

V. TỈNH BẾN TRE(05)

261. Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

262. Phòng kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

263. Phòng Tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

264. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;

265. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

VI. TỈNH TRÀ VINH(03)

266. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

267. Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

268. Phòng kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;

VII. TỈNH AN GIANG(05)

269. Văn Phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

270. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

271. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang;

272. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

273. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

VIII. TỈNH CÀ MAU(03)

274. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;

275. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;

276. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;

IX. TỈNH SÓC TRĂNG(06)

277. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự , Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

278. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

279. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;

280. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng;

281. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng;

282. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

X. TỈNH TIỀN GIANG(05)

283. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;

284. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;

285. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;

286. Phòng Tài chính - kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;

287. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

XI. THÀNH PHỐ CẦN THƠ(03)

288. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

289. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;

290. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;

XII. TỈNH BẠC LIÊU(01)

291. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;

XIII. TỈNH HẬU GIANG(02)

292. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;

293. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang./.

Tổng số : 293 Tập thể